

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3256/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 12 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số theo Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;*

*Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;*

*Căn cứ Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;*

*Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp tại Tờ trình số 3856/TTr-SKH&CN ngày 30/12/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình phát triển Chính phủ số theo Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường được phân công thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch kèm theo Quyết định này có trách nhiệm đôn đốc, triển khai và tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu, tiến độ đề ra.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch kèm theo Quyết định này; chủ động nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Minh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**Triển khai thực hiện Chương trình phát triển Chính phủ số theo  
Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ  
(Kèm theo Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 31/12/2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần đạt mục tiêu quốc gia về chuyển đổi số.

- Xác định cụ thể các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương thực hiện và trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc triển khai thực hiện.

#### **2. Yêu cầu**

- Xác định đầy đủ các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện theo thẩm quyền được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Nhiệm vụ được xác định có trọng tâm, lộ trình và đảm bảo thực hiện có hiệu quả, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Phân công trách nhiệm thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị bảo đảm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong việc tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

### **II. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Triển khai đồng bộ Chương trình phát triển Chính phủ số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hoạt động dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

#### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được đề ra trong Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ với kịch bản tăng trưởng chỉ tiêu đến năm 2030 **tại Phụ lục 1 đính kèm.**

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Hoàn thiện thể chế**

- Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, pháp luật cho xây dựng chính quyền số; quy định quản lý và phát triển chính quyền số nền tảng, hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến.

- Cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số của tỉnh đảm bảo phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI).

- Nghiên cứu, phối hợp rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định, chính sách về dữ liệu số, dịch vụ dữ liệu để phát triển lành mạnh, an toàn, tuân thủ pháp luật.

- Triển khai Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu do Trung ương ban hành, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị tự đánh giá và nâng cấp quy trình quản lý dữ liệu của mình, hướng tới mục tiêu đạt cấp độ 5.

#### **2. Phát triển dữ liệu số**

- Cập nhật Chiến lược dữ liệu của tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu dùng chung và quy chế về chất lượng dữ liệu, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Trọng tâm là các lĩnh vực Tư pháp (hồ sơ hộ tịch), Giáo dục, Y tế (hồ sơ sức khỏe cá nhân) và Đất đai.

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh phải được xây dựng, nâng cấp và phát triển để đảm bảo dữ liệu tuân thủ nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu xuyên suốt.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở cấp tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở.

- Đẩy mạnh cung cấp, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

#### **3. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số**

- Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới, kết nối và liên thông đồng bộ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Phát triển, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất theo mô hình Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

- Xây dựng và triển khai nền tảng dữ liệu lớn (*Big Data Platform*) cho phép thu thập, tích hợp, chuẩn hóa và phân tích dữ liệu từ các sở, ngành, lĩnh vực phục vụ ra quyết định điều hành.

- Phát triển và hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.
- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số quốc gia; tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nền tảng số quốc gia để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân biết và sử dụng.

#### **4. Phát triển Hạ tầng số**

- Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính phủ số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.
- Phát triển và mở rộng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước, đảm bảo bao phủ đến 100% xã, phường phục vụ gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật, đảm bảo liên thông và đồng bộ dữ liệu giữa các nền tảng dùng chung của quốc gia và địa phương.
- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số cho người dân, phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các khu vực dân sinh trên địa bàn; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.

#### **5. Bảo đảm an ninh mạng**

- Tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.
- Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

#### **6. Phát triển nhân lực số**

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.
- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.
- Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.
- Xây dựng chương trình, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn

sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.

- Xây dựng khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương.

- Triển khai Nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường kỹ năng số cho từng đối tượng lao động, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh phù hợp chuẩn kỹ năng số quốc gia.

## **7. Hợp tác quốc tế**

Chủ động, tích cực tham gia hoạt động với các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về phát triển chính quyền số; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyên gia công nghệ số phù hợp.

## **8. Bảo đảm kinh phí**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được lấy từ kinh phí bố trí cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030; đảm bảo tối thiểu đạt 03% GRDP vào năm 2030.

## **9. Tổ chức đo lường chỉ tiêu**

Định kỳ, các sở, ban, ngành chủ trì theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục 1 (kèm theo Kế hoạch này) thực hiện đánh giá, đo lường và báo cáo số liệu các chỉ tiêu do đơn vị phụ trách gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo các mốc thời gian sau:

- Cung cấp số liệu Quý I: trước ngày 20/02 hằng năm.

- Cung cấp số liệu Quý II (bao gồm số liệu Quý II và số liệu 06 tháng đầu năm): trước ngày 20/05 hằng năm.

- Cung cấp số liệu Quý III: trước ngày 20/9 hằng năm.

- Cung cấp số liệu Quý IV (bao gồm số liệu Quý IV và số liệu cả năm): trước ngày **01/12 hằng năm**.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này và các yêu cầu, nhiệm vụ sau:

### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Là cơ quan đầu mối, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch này, cụ thể hóa xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện hằng năm; hướng dẫn, đôn đốc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các bộ, ngành và tổ chức liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo Chương trình phát triển Chính phủ số.

- Định kỳ hằng quý tổng hợp báo tình hình triển khai và kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chính phủ theo yêu cầu.

## **2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Theo chức năng quản lý nhà nước, các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Kế hoạch này (*hoặc lồng ghép trong Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 của sở, ngành, địa phương*) **trong tháng 01/2026 và định kỳ trước 01/12 hằng năm** (*hoặc đột xuất khi có yêu cầu*) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong kế hoạch để xây dựng dự toán kinh phí cụ thể, triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

**3. Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp bưu chính ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, chính quyền số.** Đồng thời, tham gia hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số; chủ động, tích cực tham gia triển khai Kế hoạch này; triển khai các nền tảng, giải pháp phát triển chính quyền số, hình thành các hệ sinh thái số, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực mình hoạt động.

**4. Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Tháp và các cơ quan báo chí, truyền thông hoạt động trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Kế hoạch này một cách thường xuyên, định kỳ.**

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

**Phụ lục 1**

**Kịch bản chỉ tiêu phát triển Chương trình phát triển Chính phủ năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**  
(Kèm theo Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT      | Chỉ tiêu   |   | Giai đoạn   |              | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá | Bộ, ngành phối hợp  |
|----------|--|---|-------------|--------------|------------------------------------|---------------------|
|          |  |   | 2026 - 2027 | 2028 - 2030  |                                    |                     |
| <b>a</b> | <b>Về Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh</b> |   |             |              |                                    |                     |
| 1        | Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)                    | Tỷ lệ DVCTT toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính (TTHC) có đủ điều kiện.  | 100%        | Duy trì 100% | Sở KH&CN                           | Văn phòng Chính phủ |
| 2        |  | Tỷ lệ người dân doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng DVCTT.   | 95%         | 99%          | Sở KH&CN                           | Bộ KH&CN            |
| 3        |  | Tỷ lệ DVCTT thiết yếu được triển khai ở mức chủ động được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời. | -           | 50%          | Sở KH&CN                           | Bộ KH&CN            |
| 4        | Cung cấp thông tin                                 | Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.   | 100%        | 100%         | Văn phòng UBND Tỉnh                | Văn phòng Chính phủ |
| 5        | Dữ liệu số hóa                                     | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.   | 100%        | Duy trì 100% | Văn phòng UBND Tỉnh                | Văn phòng Chính phủ |
| 6        |  | Tỷ lệ thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công được khai thác, sử dụng lại.  | -           | 80%          | Văn phòng UBND Tỉnh                | Văn phòng Chính phủ |
| 7        | Dữ liệu mở   | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.   | -           | 100%         | Công an tỉnh                       | Bộ Công an          |

| <b>b</b> | <b>Về Quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu</b> |   |              |                 |                     |                     |
|----------|--|---|--------------|-----------------|---------------------|---------------------|
| 8        | Xử lý hồ sơ điện tử  | Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số cá nhân.   | 100%         | 100%            | Văn phòng UBND Tỉnh | Văn phòng Chính phủ |
| 9        |  | Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.                     | 100%         | Duy trì 100%    | Văn phòng UBND Tỉnh | Văn phòng Chính phủ |
| 10       | Nền tảng dùng chung  | Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất.   | 100%         | 100%            | Sở KH&CN            | Bộ KH&CN            |
| 11       |  | Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.   | -            | 100%            | Công an tỉnh        | Bộ Công an          |
| 12       | Quản trị dữ liệu   | Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.  | Đạt cấp độ 3 | Đạt cấp độ 4, 5 | Công an tỉnh        | Bộ Công an          |
| 13       | Ứng dụng AI  | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.   | -            | 100%            | Sở KH&CN            | Bộ KH&CN            |
| 14       | Nhân lực số  | Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.          | -            | 25%             | Sở Nội vụ           | Bộ Nội vụ           |
| 15       |  | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.  | 100%         | Duy trì 100%    | Sở Nội vụ           | Bộ Nội vụ           |
| 16       |  | Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT/CĐS được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.  | 50%          | 100%            | Công an tỉnh        | Bộ Công an          |
| 17       | An toàn thông tin  | Tỷ lệ hệ thống thông tin phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi vận hành, sử dụng; đánh giá an ninh mạng định kỳ. | 100%         | 100%            | Công an tỉnh        | Bộ Công an          |

**Phụ lục 2**  
**Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**  
**thực hiện Chương trình phát triển Chính phủ số**  
*(Kèm theo Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 31/12/2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| TT       | Nhiệm vụ, giải pháp  | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp   | Kết quả   | Thời gian thực hiện                        |
|----------|--|-----------------|--|---|--|
| <b>I</b> | <b>HOÀN THIỆN THỂ CHẾ</b>  |                 |  |   |  |
| 1        | Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, pháp luật cho xây dựng chính quyền số; quy định quản lý và phát triển chính quyền số nền tảng, hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến.                    | Sở KH&CN        | VP UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành, UBND xã, phường | Quyết định, Kế hoạch                            | Tháng 12/2026                              |
| 2        | Xây dựng, ban hành và cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số cấp tỉnh, đảm bảo phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI). | Sở KH&CN        | VP UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành, UBND xã, phường | Quyết định ban hành Khung kiến trúc số của tỉnh | Tháng 01/2026                              |
| 3        | Nghiên cứu, phối hợp rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định, chính sách về dữ liệu số, dịch vụ dữ liệu để phát triển lành mạnh, an toàn, tuân thủ pháp luật.  | Sở KH&CN        | Các sở, ban, ngành có liên quan  | Báo cáo thực hiện                               | Năm 2026 - 2030                            |
| 4        | Triển khai Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu do Trung ương ban hành, làm cơ sở đề các cơ quan, đơn vị tự đánh giá và nâng cấp quy trình quản lý dữ                       | Sở KH&CN        | Các sở, ban, ngành có liên quan  | Hướng dẫn Bộ chỉ số được ban hành               | Khi Khung hướng dẫn đánh giá được ban hành |

|           |   |   |                            |  |                 |
|-----------|---|---|----------------------------|--|-----------------|
|           | liệu của mình, hướng tới mục tiêu đạt cấp độ 5.   |   |                            |  |                 |
| <b>II</b> | <b>PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ</b>  |   |                            |  |                 |
| 5         | Xây dựng, cập nhật Chiến lược dữ liệu cấp tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu dùng chung và quy chế về chất lượng dữ liệu, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.   | Sở KH&CN                                | Các sở, ban, ngành         | Chiến lược dữ liệu cấp tỉnh  | Năm 2026        |
| 6         | Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Trọng tâm là các lĩnh vực Tư pháp (hồ sơ hộ tịch), Giáo dục, Y tế (hồ sơ sức khỏe cá nhân) và Đất đai.  | Sở Tư pháp; Sở GD&ĐT, Sở Y tế, Sở NN&MT | VP UBND tỉnh; Công an tỉnh | Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa | Năm 2026 - 2030 |
| 7         | Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh phải được xây dựng, nâng cấp, và phát triển để đảm bảo dữ liệu tuân thủ nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu xuyên suốt. | Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường | VP UBND tỉnh; Công an tỉnh | Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính                  | Năm 2026 - 2030 |
| 8         | Xây dựng, ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở cấp tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở.   | Các sở, ban, ngành                      | Sở KH&CN; Công an tỉnh     | Kế hoạch/Báo cáo thực hiện   | Tháng 6/2026    |

|            |  |   |                                |   |                 |
|------------|--|---|--------------------------------|---|-----------------|
| 9          | Đẩy mạnh cung cấp, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân.   | Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường | Sở KH&CN                       | Báo cáo kết quả thực hiện                 | Năm 2026 - 2030 |
| <b>III</b> | <b>PHÁT TRIỂN CÁC ỨNG DỤNG, NỀN TẢNG SỐ</b>  |   |                                |   |                 |
| 10         | Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới, kết nối chặt chẽ và liên thông đồng bộ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). | Sở KH&CN                                | Các sở, ban, ngành, địa phương | Hệ thống vận hành ổn định đáp ứng yêu cầu | Năm 2026 - 2030 |
| 11         | Phát triển, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất theo mô hình Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.                                       | Sở KH&CN                                | Các sở, ban, ngành, địa phương | Hệ thống vận hành ổn định đáp ứng yêu cầu | Năm 2026 - 2030 |
| 12         | Xây dựng và triển khai nền tảng dữ liệu lớn ( <i>Big Data Platform</i> ) cho phép thu thập, tích hợp, chuẩn hóa và phân tích dữ liệu từ các sở, ngành, lĩnh vực phục vụ ra quyết định điều hành.   | Sở KH&CN                                | Các sở, ban, ngành, địa phương | Hoàn thành, khai thác sử dụng             | Năm 2026 - 2030 |
| 13         | Phát triển và hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.  | Sở KH&CN                                | Các sở, ban, ngành, địa phương | Hoàn thành, khai thác sử dụng             | Năm 2026 - 2030 |
| 14         | Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số quốc gia; tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nền tảng số quốc gia để các cơ quan, tổ chức, doanh  | Sở KH&CN                                | Các sở, ban, ngành, địa phương | Khai thác sử dụng                         | Năm 2026 - 2030 |

|           |  |                                |                                |  |                 |
|-----------|--|--------------------------------|--------------------------------|--|-----------------|
|           | nghiệp, người dân biết và sử dụng.   |                                |                                |  |                 |
| <b>IV</b> | <b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ</b>   |                                |                                |  |                 |
| 15        | Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính phủ số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.  | Các sở, ban, ngành, địa phương | Sở KH&CN                       | Hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số | Năm 2026 - 2030 |
| 16        | Phát triển và mở rộng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước, đảm bảo bao phủ đến 100% cấp xã phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật, đảm bảo liên thông và đồng bộ dữ liệu giữa các nền tảng dùng chung của quốc gia và địa phương. | Sở KH&CN                       | Các sở, ban, ngành, địa phương | Khai thác sử dụng  | Năm 2026 - 2030 |
| 17        | Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số cho người dân, phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các khu vực dân sinh trên địa bàn; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.       | Các sở, ban, ngành, địa phương | Sở KH&CN                       | Hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số | Năm 2026 - 2030 |
| <b>V</b>  | <b>BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG</b>  |                                |                                |  |                 |
| 18        | Tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp  | Các sở, ban, ngành, địa phương | Sở KH&CN; Công an tỉnh         | Báo cáo thực hiện  | Năm 2026 - 2030 |

|           |   |                                     |                                |                   |                 |
|-----------|---|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------|
|           | ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.  |                                     |                                |                   |                 |
| 19        | Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.   | Công an tỉnh                        | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |
| <b>VI</b> | <b>NHÂN LỰC SỐ</b>  |                                     |                                |                   |                 |
| 20        | Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.   | Các sở, ban, ngành, địa phương      | Sở KH&CN; Công an tỉnh         | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |
| 21        | Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.  | Sở KH&CN                            | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |
| 22        | Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông. | Sở Giáo dục và Đào tạo;<br>Sở KH&CN | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |

|            |  |                                     |                                |                   |                 |
|------------|--|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------|
| 23         | Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.   | Sở KH&CN;<br>Sở Nội vụ              | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Tháng 12/2026   |
| 24         | Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp. | Sở Giáo dục và Đào tạo;<br>Sở KH&CN | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Tháng 12/2026   |
| 25         | Xây dựng khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương.   | Sở KH&CN                            | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |
| 26         | Triển khai Nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường kỹ năng số cho từng đối tượng lao động, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh phù hợp chuẩn kỹ năng số quốc gia.  | Sở KH&CN                            | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |
| <b>VII</b> | <b>HỢP TÁC QUỐC TẾ</b>   |                                     |                                |                   |                 |
| 27         | Chủ động, tích cực tham gia hoạt động với các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về phát triển chính quyền số; Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu   | Sở KH&CN                            | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |

|             |  |              |                                |                   |                 |
|-------------|--|--------------|--------------------------------|-------------------|-----------------|
|             | hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số phù hợp.   |              |                                |                   |                 |
| <b>VIII</b> | <b>BẢO ĐẢM KINH PHÍ</b>  |              |                                |                   |                 |
| 28          | Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được lấy từ kinh phí bố trí cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030; đảm bảo tối thiểu 03% GRDP vào năm 2030. | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành, địa phương | Báo cáo thực hiện | Năm 2026 - 2030 |